

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2026/HC-PT

Ngày: 20 – 4 - 2026

*V/v: Khiếu kiện yêu cầu hủy
Quyết định hành chính về quản
lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mươi

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 30/2026/TLPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính về quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 112/2025/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1509/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Biên T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B (nay là phường H), tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: 1 khu phố G, phường T, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Đồng Nai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Đất có nguồn gốc trước năm 1975 của ông Nguyễn Sỹ K chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Văn T1 sử dụng, tọa lạc tại Khu phố D - phường T - Tp . - Đồng Nai. Diện tích 2,8ha, ông T1 Sử dụng ổn định từ năm 1979 và trực tiếp sản xuất sinh sống trên phần đất của mình. Đến năm 1984 - 1985, Ủy ban nhân dân phường T phát động phong trào trồng cây phủ xanh đồi trọc và tiến hành quy hoạch luân phát đất của gia đình ông T1 đang sử dụng để quản lý trồng rừng. Ông T1 nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm, ông T1 đã có đơn khiếu nại nhiều nơi để yêu cầu trả lại đất cho gia đình ông.

Ngày 01 tháng 8 năm 1992, Ủy ban nhân dân phường T ban hành công văn số :10/BC với nội dung: Khi nào thu hoạch rừng, nếu ông T1 có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất sinh sống, phường sẽ giải quyết giao lại đất.

Ngày 11 tháng 01 năm 1995, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành văn bản số 14/UB với nội dung xác nhận lại ý kiến của Ủy ban nhân dân phường T, đồng thời chấp nhận phương án giao trả đất của Ủy ban nhân dân phường T đã đưa ra. Cụ thể, Ủy ban nhân dân phường sẽ trao trả đất lại cho gia đình ông Huỳnh Văn T1 sau khi thu hoạch rừng (thời điểm này rừng bạch đàn vừa được trồng) hoặc nếu ông T1 lấy lại ngay phần đất của mình thì phải bồi hoàn giá trị về những thành quả trên đất (cây cối, hoa màu cho những người khác theo quy định của pháp luật tại thời điểm này). Tin tưởng vào nội dung của những văn bản trên, ông T1 không yêu cầu Ủy ban nhân dân phường giao trả đất ngay, mà vẫn để nguyên hiện trạng đất rừng, những người dân trong khu phố D đều biết rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T1.

Ngày 08 tháng 5 năm 1995 Ủy ban nhân dân phường T giao trả đất cho ông T1 1.650m² để canh tác, nhưng sau khi nhận 1.650m² đất ông T1 cắt bán cho nhiều người khác sử dụng

Năm 1996, bà T nghe và biết được ông Huỳnh Văn T1 đang tiếp tục khiếu nại về diện tích đất còn lại trong tổng diện tích 2,8ha chưa được giao trả đất nên bà T tự ý khai phá bao lần chiếm phần đất của ông T1 còn lại chưa được Ủy ban nhân dân phường T giao trả. Tại thời điểm đó, ông T1 phát hiện bà T lấn chiếm phần đất còn lại của ông T1, ông T1 có đến gặp gia đình bà T và đòi lại phần đất bà T đã lấn chiếm, yêu cầu gia đình bà T có nhu cầu sử dụng thì ông T1 cắt bán luôn cho gia đình bà T, nhưng vợ chồng bà T trình bày gia đình bà thật khó khăn, không có khả năng để mua lại, hoàn cảnh lại đông con nhỏ, nên ông T1 rộng lòng thương để cho gia đình bà T sử dụng phần đất đã lấn chiếm của ông

T1 và chấm dứt không được lần chiếm thêm, chỉ được sử dụng phần đất lần chiếm và bà T đã sử dụng đất từ đó, không có ai tranh chấp.

Đến năm 1997, các hộ dân chuyển nhượng đất của ông T1 tự ý xây dựng nhà ở, khi Ủy ban nhân dân phường T phát hiện đã xử lý tháo dỡ nhà xây dựng trái phép vào lúc 09 giờ ngày 17 tháng 6 năm 1997. Sau khi các hộ dân bị tháo dỡ nhà, các hộ dân có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C cho các hộ dân dựng tạm nhà để ở, đối với các hộ dân đang sử dụng đất cũng như các hộ trước đây phường T xử lý tháo dỡ nhà, nếu có nhu cầu sử dụng thật sự khó khăn có đề xuất đề báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết đúng theo luật đất đai. Tại thời điểm bà T biết được sự việc trên, bà T đã tự ý xây nhà tạm để có nơi ổn định cho tới nay.

I/ Quá trình sử dụng đất

Đất bà T sử dụng từ năm 1996 đến năm 2014 Ủy ban nhân dân phường T đến và yêu cầu bà T tháo dỡ các công trình trên đất của bà T, đuổi bà T, không cho gia đình bà T tiếp tục quản lý và sử dụng phần đất của bà T với lý do là “đất công”. Không đồng ý với Ủy ban nhân dân phường, bà T đã tiến hành khiếu nại sự việc đến nhiều cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết cho bà T, vì theo đã trình bày phần đất của bà T sử dụng, quản lý có nguồn gốc rõ ràng (của ông T1), được hình thành trước cả thời điểm có quy hoạch trồng rừng của Ủy ban nhân dân phường T. Bà T tự lấn chiếm đất của ông T1 và sử dụng hơn 20 năm nay không có tranh chấp thì cơ sở nào cho rằng đây là đất công? (không những phần đất của bà T mà nhiều hộ xung quanh là nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn T1).

Quá trình bà T khiếu nại, chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành các văn bản (số 14430/UBND-NC ngày 12/11/2019 của UBND thành phố B) và văn bản số 8035/UBND ngày 17/07/2019. Ngày 30/09/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có công văn số 3751/UBND- TCD về việc tiếp tục đơn đốc Ủy ban nhân dân thành phố B sớm trả lời đơn công dân đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử lý, giải quyết dứt điểm các khiếu nại của bà T. Thế nhưng đến nay, bà T chưa nhận được giải quyết khiếu nại của chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Ngày 09 tháng 5 năm 2019 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 1532/QĐ-KPHQ về việc áp dụng khắc phục hậu quả và quyết định số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả Ủy ban nhân dân đối với bà Nguyễn Thị Biên T

II/ Cả hai quyết định hành chính trên đều có những sai phạm trầm trọng về nội dung, vi phạm pháp luật và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Cụ thể:

1- Ủy ban nhân dân thành phố B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B cho rằng đất của bà T là đất công là hoàn toàn sai, theo những phân tích, trình

bày trên, hoàn toàn có cơ sở, căn cứ để xác định phần đất này có nguồn gốc rõ ràng, không phải là đất công do Ủy ban nhân dân phường T quản lý.

2- Việc khiếu nại của bà T, chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B vẫn chưa giải quyết, mặc dù Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã có văn bản chỉ đạo nhiều lần, mà lại ban hành quyết định hành chính cưỡng chế, lấy đất của gia đình bà T đang quản lý, sử dụng là hoàn toàn trái pháp luật.

3- Phần đất này bà T đã quản lý sử dụng nhiều năm nay, với quy định pháp luật hiện hành, bà T phải được công nhận quyền sử dụng đất và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với toàn bộ đất mình đang quản lý sử dụng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B không ban hành quyết định giải quyết cho hộ gia đình bà T là trái pháp luật, vi phạm luật khiếu nại năm 2011 và luật đất đai năm 2014.

III/ Nay bà T khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai kém xét, giải quyết cụ thể như sau :

1/ Yêu cầu tuyên hủy toàn bộ quyết định hành chính số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

2/ Yêu cầu tuyên hủy toàn bộ quyết định hành chính số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/05/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T đồng thời yêu cầu phải bồi thường thiệt hại do hai (02) quyết định 1532/QĐ-KPHQ và quyết định 3931/QĐ-CCKPH về việc cưỡng chế tháo dỡ, phá hại tài sản của gia đình bà T và xâm phạm về chỗ ở, với số tiền là 300 triệu (*Ba trăm triệu đồng*) (tạm tính) cho gia đình bà T.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B, Chủ tịch UBND thành phố B trình bày:

1. Về nguồn gốc đất.

- Hành vi vi phạm hành chính của bà Nguyễn Thị Biên T vi phạm tại thửa đất số 69 tờ bản đồ số 08 phường T, thành phố B được thể hiện: thửa đất số 69 có nguồn gốc đất do UBND phường T quản lý (đất công); ông Nguyễn Hữu P (cha của bà Nguyễn Thị Biên T) chiếm đất từ năm 2004.

- Ngày 24/6/2014, UBND phường T đã có Thông báo số 21/TB- UBND v/v trả lại đất công khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gửi đến bà Nguyễn Thị Biên T cùng các hộ dân đang lấn chiếm đất do UBND phường T quản lý; với nội dung UBND phường T yêu cầu các hộ tự tháo dỡ nhà ở và vật kiến trúc trên đất để trả lại mặt bằng theo đúng hiện trạng ban đầu; thời gian bàn giao mặt bằng chậm nhất là hết ngày 06/7/2014; nếu hết thời gian trên mà các hộ không bàn giao mặt bằng, UBND phường T sẽ tiến hành cưỡng chế, thu hồi theo quy định.

2. Quá trình xử lý vụ việc vi phạm của bà Nguyễn Thị Biên T.

Ngày 15/3/2019, UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị Biên T; bà "Thùy có mặt và ký tên vào biên bản.

Ngày 01/04/2019, UBND phường T đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 07/BB-XM đối với bà Nguyễn Thị Biên T.

Ngày 12/4/2019, UBND phường T có Tờ trình số 24/TTr-UBND v/v đề xuất ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T tại phường T, với nội dung đề xuất Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả về hành vi vi phạm “chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do UBND phường T quản lý (diện tích chiếm khoảng 500,0m² thuộc một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 08, trên đất có nhà tạm diện tích khoảng 160m²) vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” và do thời điểm vi phạm của bà Nguyễn Thị Biên T được phát hiện vào khoảng năm 2014 đến nay đã hết thời hiệu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định (điểm c Khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính); UBND phường T đề xuất Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 09/5/2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T.

Ngày 11/6/2019, UBND phường T đã tổng đạt Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B đến bà Nguyễn Thị Biên T.

Ngày 25/6/2019, UBND phường T đã tiến hành lập Biên bản kiểm tra v/v thực hiện nội dung quyết định, thể hiện qua kiểm tra hiện trạng, bà Nguyễn Thị Biên T chưa chấp hành nội dung theo Quyết định số 1535/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B, chưa chấp hành khắc phục hậu quả.

Ngày 04/7/2019, UBND phường T có Tờ trình số 40/TTr-UBND về việc đề xuất ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T tại phường T.

Ngày 04/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3931/QĐ-CCKPHQ cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 23/10/2019, UBND phường T đã tổng đạt Quyết định số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B đến bà Nguyễn Thị Biên T.

UBND phường T đã thực hiện tổng đạt Thông báo về thời gian, địa điểm cưỡng chế và tổ chức vận động, tuyên truyền, giải thích đối với bà Nguyễn Thị Biên T theo quy định; tuy nhiên, bà T không chấp hành.

Ngày 12/12/2019, UBND phường T đã phối hợp các ngành chức năng thực hiện cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về hành vi vi phạm của bà Nguyễn Thị Biên T theo quy định.

3. Về quan điểm và ý kiến của người bị kiện.

- Qua kết quả rà soát quá trình giải quyết như nêu trên thể hiện việc bà Nguyễn Thị Biên T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định hành chính số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T và yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc thi hành hai quyết định nêu trên với số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) là không có căn cứ xem xét giải quyết.

- Về trình tự thủ tục ban hành các Quyết định hành chính nêu trên thì việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định hành chính số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T do bà T đã có hành vi “*chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do UBND phường T quản lý (diện tích chiếm khoảng 500,0m² thuộc một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 08. Hiện trạng sử dụng trên đất nhà tạm diện tích khoảng 160m²) vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*” là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính số 112/2025/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, quyết định:

“...Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Biên T về việc yêu cầu hủy các quyết định:

Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 do Chủ tịch UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T.

Quyết định số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố B về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị Biên T với số tiền 300.000.000đ...”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 09/10/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Biên T, kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 112/2025/HC-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**, bà Nguyễn Thị Biên T có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nội dung: Bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của UBND thành phố B. Tuy nhiên, qua hồ sơ thể hiện phần đất bà T đang sử dụng khoảng 500m² thuộc một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 08 tại phường T, thành phố B; nguồn gốc do ông Huỳnh Văn T1 khai phá, sau đó gia đình bà T lần chiếm để sử dụng, xây dựng nhà ở và sinh sống từ năm 1997 đến nay. Hồ sơ cũng xác định năm 1995 UBND phường T đã giao đất rừng cho ông T1 diện tích 1.650m²; trong quá trình sử dụng ông T1 phân lô, chuyển nhượng và lần chiếm thêm phần đất công do Nhà nước quản lý, trong đó có phần đất hiện bà T sử dụng. Kiểm sát viên cho rằng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc khai phá, sử dụng đất hợp pháp, không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và không thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Vì vậy, phần đất bà T đang sử dụng được xác định là đất công thuộc quyền quản lý của UBND phường T, nên Chủ tịch UBND thành phố B ban hành hai quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và phù hợp quy định pháp luật. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Biên T và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 112/2025/HC-ST ngày 25/9/2025 của TAND tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; xét kháng cáo của người khởi kiện và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Biên T được nộp trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Biên T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng hồ sơ vụ án chưa được thu thập đầy đủ, người bị kiện chưa cung cấp đầy đủ tài liệu theo quy định tại Điều 78 Luật Tố tụng hành chính; đồng thời cho rằng phần đất bà T sử dụng có nguồn gốc từ ông Huỳnh Văn T1, chưa xác định rõ vị trí, diện tích đất ông T1 được giao năm 1995 có trùng với phần đất bà T đang sử dụng hay không. Từ đó cho rằng chưa đủ căn cứ xác định bà T chiếm đất công và đề nghị hủy các quyết định hành chính bị kiện.

Xét thấy, theo chính lời trình bày của người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng phần đất bà sử dụng có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn T1; năm 1996 bà tự khai phá, bao lán chiếm phần đất mà bà cho là của ông T1, sau đó sử dụng và xây dựng nhà tạm trên đất. Như vậy, bà T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất đang sử dụng. Việc người khởi kiện cho rằng đã sử dụng đất trong thời gian dài, không có tranh chấp không phải là căn cứ để xác định việc sử dụng đất là hợp pháp, nhất là khi người khởi kiện không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và không có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

[2.2] Về nguồn gốc, hiện trạng phần đất vi phạm:

Hồ sơ thể hiện phần đất bà T sử dụng có diện tích khoảng 500m², thuộc một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 08, phường T, thành phố B; trên đất có nhà tạm diện tích khoảng 160m². Theo tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp, thửa đất số 69, tờ bản đồ số 08 là đất công do Ủy ban nhân dân phường T quản lý. Ngày 10/12/2010, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Thông báo số 688/TB-UBND, trong đó có nội dung giao Ủy ban nhân dân phường T tiếp tục tổ chức quản lý chặt chẽ đối với các thửa đất số 36, 62, 69, tờ bản đồ số 08, không để phát sinh lấn chiếm. Ngày 24/6/2014, Ủy ban nhân dân phường T ban hành Thông báo số 21/TB-UBND yêu cầu các hộ đang lấn chiếm đất công khu phố D, phường T trả lại đất công.

Đối với trình bày của người khởi kiện cho rằng năm 1995 Ủy ban nhân dân phường T đã giao cho ông Huỳnh Văn T1 diện tích 1.650m² và cần xác định phần đất bà T sử dụng có thuộc diện tích này hay không, Hội đồng xét xử xét thấy: tài liệu trong hồ sơ thể hiện ngày 08/5/1995, Ủy ban nhân dân phường T lập thủ tục giao đất rừng cho ông Huỳnh Văn T1 diện tích 1.650m², nay thuộc các thửa 191, 192, 193, 194 và 195, tờ bản đồ số 08 phường T. Trong khi đó, phần đất bà T đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 08. Do đó, không có căn cứ xác định phần đất bà T đang sử dụng thuộc diện tích 1.650m² đã giao cho ông Huỳnh Văn T1. Mặt khác, dù bà T cho rằng nhận chuyển nhượng hoặc được ông T1 cho sử dụng thì cũng không xuất trình được giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất của ông T1 đối với phần đất này hoặc chứng minh việc chuyển quyền sử dụng đất được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất bà T sử dụng là đất công do Ủy ban nhân dân phường T quản lý, bà T không có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất và có hành vi chiếm đất là có căn cứ.

[2.3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019:

Ngày 15/3/2019, Ủy ban nhân dân phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị Biên T về hành vi chiếm đất rừng sản xuất không phải là đất ở do Ủy ban nhân dân phường T quản lý, diện tích chiếm khoảng 500m² thuộc một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 08. Bà T có mặt và ký tên vào biên bản. Ngày 01/4/2019, Ủy ban nhân dân phường T lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính. Ngày 12/4/2019, Ủy ban nhân dân phường T có Tờ trình số 24/TTr-UBND đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Do hành vi vi phạm đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B không ban hành quyết định xử phạt mà ban hành Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc bà T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm là phù hợp quy định tại Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 2 Điều 10 và Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

[2.4] Về Quyết định số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019:

Sau khi Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ được ban hành và tổng đạt hợp lệ, bà T không tự nguyện chấp hành. Ngày 25/6/2019, Ủy ban nhân dân phường T lập biên bản kiểm tra việc thực hiện quyết định, xác định bà T chưa thực hiện nội dung khắc phục hậu quả. Ngày 04/7/2019, Ủy ban nhân dân phường T có Tờ trình số 40/TTr-UBND đề xuất ban hành quyết định cưỡng chế. Trên cơ sở đó, ngày 04/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3931/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Người khởi kiện cho rằng cơ quan có thẩm quyền phải ban hành quyết định thu hồi đất trước khi ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế là không có cơ sở. Trong vụ án này, quyết định bị kiện không phải là quyết định thu hồi đất đối với người đang có quyền sử dụng đất hợp pháp, mà là quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi chiếm đất công. Bà T không chứng minh được quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần đất đang sử dụng, nên việc cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất và trả lại đất đã chiếm là phù hợp quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.5] Đối với ý kiến cho rằng người bị kiện chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và chưa trả lời dứt điểm các văn bản, kiến nghị của công dân hoặc văn bản của cơ quan thanh tra:

Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ của người bị kiện được xem xét trong phạm vi chứng minh tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện. Trong vụ án này, các tài liệu chủ yếu làm căn cứ ban hành quyết định gồm biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh, tờ trình đề xuất áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, biên bản kiểm tra việc chấp hành quyết định, tờ trình đề xuất cưỡng chế, quyết định cưỡng chế và các tài liệu thể hiện nguồn gốc, quá trình quản lý đất đã được thu thập, xem xét trong hồ sơ vụ án. Người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án hoặc chứng minh các quyết định hành chính bị kiện được ban hành trái thẩm quyền, trái trình tự, thủ tục hoặc không có căn cứ về nội dung. Việc người khởi kiện cho rằng còn có văn bản chưa được cơ quan hành chính trả lời không làm thay đổi căn cứ xác định hành vi chiếm đất và tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện trong vụ án này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 112/2025/HC-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Biên T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Biên T;
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 112/2025/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2.1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Biên T về việc yêu cầu hủy các quyết định:

Quyết định số 1532/QĐ-KPHQ ngày 09/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T;

Quyết định số 3931/QĐ-CCKPHQ ngày 04/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Biên T.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị Biên T với số tiền 300.000.000 đồng.

2.2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Biên T được miễn án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP, 15b-TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười